

# MS. CHI ENGLISH

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

## PET PRACTICE

### A. VOCABULARY REVISION

No	New words	Meaning	No	New words	Meaning
1	<b>at speed of</b>	với tốc độ	18	<b>shell (n)</b> /ʃel/	vỏ
2	<b>mammal (n)</b> /'mæml/	động vật có vú	19*	<b>fur (n)</b> /fɜːr/	bộ lông thú
3	<b>amphibian (n)</b> /æm'fibiən/	động vật lưỡng cư	20	<b>fin (n)</b> /fin/	vây cá
4*	<b>reptile (n)</b> /'reptail/	loài bò sát	21	<b>breathe (v)</b> /briːð/	thở
5*	<b>roadrunner (n)</b> /'rəʊdrʌnər/	gà lôi đuôi dài	22	<b>lung (n)</b> /lʌŋ/	phổi
6*	<b>branch (n)</b> /brɑːntʃ/	cành cây	23*	<b>be covered with</b> /'kʌvəd/	được bao phủ bởi
7	<b>speed (n)</b> /spiːd/	vận tốc	24*	<b>outer (adj)</b> /'aʊtər/	ở phía ngoài
8	<b>beak (n)</b> /biːk/	mỏ (chim)	25	<b>scale (n)</b> /skeil/	vảy (cá, rắn,...)
9	<b>smooth (adj)</b> /smuːð/	bằng phẳng	26	<b>so that</b>	vậy nên
10*	<b>sloth (n)</b> /sləʊθ/	con lười	27	<b>communicate with</b> /'kə'mjuːnikeɪt/	giao tiếp với
11	<b>run off (phr.v)</b>	chảy xuống	28	<b>brilliant (adj)</b> /'briliənt/	rực rỡ
12	<b>chameleon (n)</b> /kə'miːliən/	tắc kè hoa	29	<b>in relation to</b> /rɪ'reɪʃn/	liên quan đến
13	<b>mood (n)</b> /muːd/	tâm trạng	30*	<b>waterproof (adj)</b> /'wɔːtəpruːf/	không thấm nước
14	<b>Siamese (adj)</b> /ˌsaɪəmiːz/	(thuộc) Thái Lan	31	<b>take after (phr.v)</b>	giống với
15	<b>breed (v)</b> /briːd/	sinh sản	32	<b>easy-going (adj)</b>	dễ tính, thoải mái
16	<b>gill (n)</b> /gɪl/	mang (cá)	33	<b>independent (adj)</b> /ˌɪndɪ'pendənt/	độc lập
17*	<b>feather</b> /'feðər/	lông (chim)	34	<b>be like</b>	giống

35	<b>lay (v)</b> /leɪ/	(động vật) đẻ (trứng)	56*	<b>personality (n)</b> /ˌpɜːsəˈnæləti/	tính cách
36	<b>inherit (v)</b> /ɪnˈherɪt/	thừa hưởng	57	<b>dab (v)</b> /dæb/	vỗ nhẹ
37	<b>meat-eating (adj)</b>	(động vật) ăn thịt	58	<b>a bucket of</b> /'bʌkɪt/	một xô
38*	<b>due to</b> /djuː/	do, bởi vì	59	<b>stable (n)</b> /'steɪbl/	chuồng ngựa
39*	<b>be in danger</b> /'deɪndʒər/	lâm nguy	60*	<b>broadly (adv)</b> /'brɔːdli/	rộng rãi
40*	<b>habitat (n)</b> /'hæbɪtæt/	môi trường sống	61*	<b>stroke (v)</b> /strəʊk/	vuốt ve
41	<b>instinctive (adj) = natural</b> /ɪnˈstɪŋktɪv/	theo bản năng	62	<b>get along = get on well (phr.v)</b>	thân thiết
42*	<b>Arctic (adj)</b> /'ɑːktɪk/	(thuộc) Bắc cực	63	<b>rhyme (v)</b> /raɪm/	có vần (với nhau)
43*	<b>coastal (adj)</b> /'kəʊstl/	(thuộc) bờ biển	64*	<b>obstinate (adj)</b> /'ɒbstɪnət/	ngoan cố, khó bảo
44*	<b>paw (n)</b> /pɔː/	chân (có móng, vuốt)	65	<b>be frightened of</b> /'fraɪnd/	sợ, hoảng sợ
45*	<b>starve (v)</b> /stɑːv/	nhịn đói	66	<b>climate change</b> /'klaɪmət/	biến đổi khí hậu
46*	<b>survive (v)</b> /səˈvaɪv/	sống sót	67*	<b>raw (skin) (adj)</b> /rɔː/	da bị mất cảm
47	<b>cub (n)</b> /kʌb/	động vật khi còn nhỏ	68	<b>hay = dry grass (n)</b> /heɪ/	cỏ khô
48	<b>value (v)</b> /'væljuː/	quý, coi trọng	69	<b>fiction (n)</b> /'fɪkʃn/	điều tưởng tượng
49*	<b>a bond of</b> /bɒnd/	mối ràng buộc của	70*	<b>appearance (n)</b> /əˈpiərəns/	ngoại hình
50	<b>affection (n)</b> /əˈfekʃn/	tình cảm	71	<b>cavalry (n)</b> /'kævlrɪ/	kỵ binh
51	<b>sense (n)</b> /sens/	cảm giác	72*	<b>feature (v)</b> /'fi:tʃə(r)/	mô tả những nét đặc biệt
52*	<b>narrative (adj)</b> /'nærətɪv/	tự sự, kể chuyện	73*	<b>attitude to (n)</b> /'ætɪtjuːd/	thái độ đối với
53	<b>intrigued (adj)</b> /ɪnˈtriːɡd/ <b>= very interested</b>	rất thích thú	74	<b>at the heart of = in the center of</b>	ở trung tâm/giữa của
54*	<b>no harm</b> /hɑːm/	không làm hại	75	<b>estate (n)</b> /ɪˈsteɪt/	tài sản
55	<b>at once</b>	ngay lập tức	76	<b>drought (n)</b> /draʊt/	hạn hán

77	<b>intrigued (adj)</b> /ɪn'tri:gd/ = <b>very interested</b>	rất thích thú	80	<b>at the heart of</b> = <b>in the center of</b>	ở trung tâm/giữa của
78*	<b>no harm</b> /hɑ:m/	không làm hại	81	<b>estate (n)</b> /i'steɪt/	tài sản
79	<b>at once</b>	ngay lập tức	82	<b>drought (n)</b> /draʊt/	hạn hán

\* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ

phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adv = adverb: trạng từ

\* Những từ có ký hiệu \* thì có 2 cách đọc.

\* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

## B. PET PRACTICE



Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/QcFKfhqJ1m8>

**LISTENING** (approximately 30 minutes)

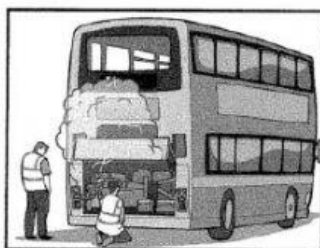
**Part 1**

**Questions 1–7**

For each question, choose the correct answer.



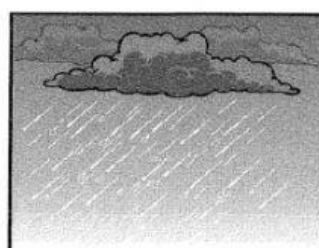
1 Why was the man late?



A

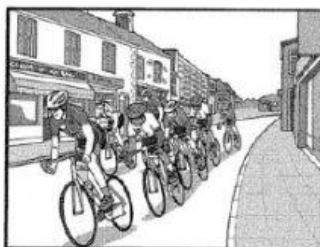


B



C

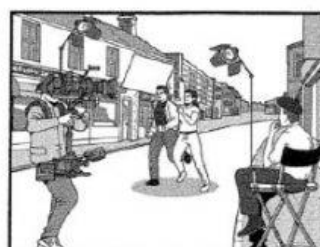
2 Why is the main road closed today?



A

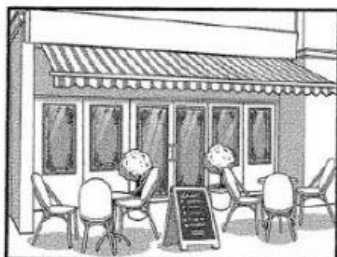


B

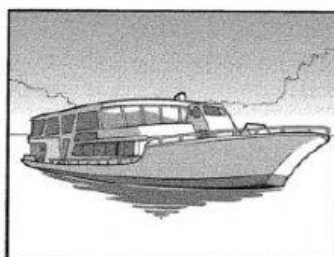


C

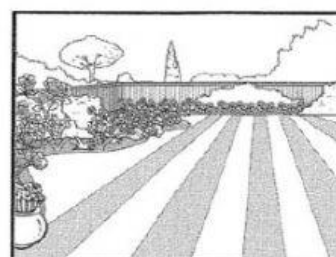
3 Where do they decide to have the wedding anniversary party?



A



B

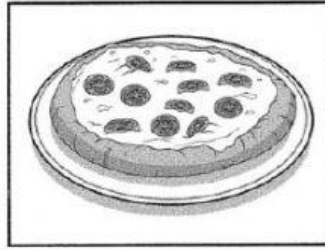


C

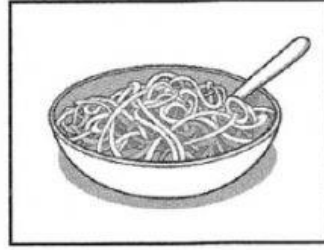
4 What does the man decide to order?



A

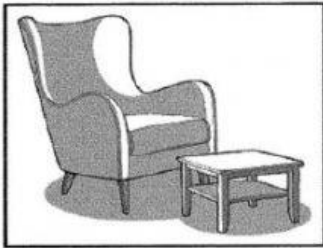


B

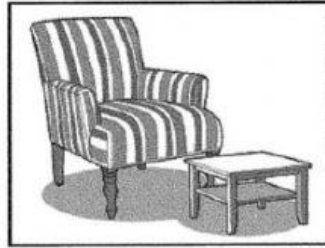


C

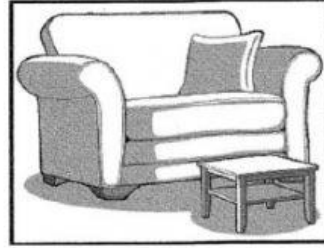
5 Which armchair is the man going to buy?



A

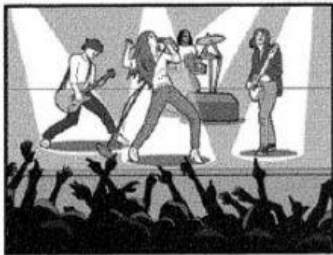


B

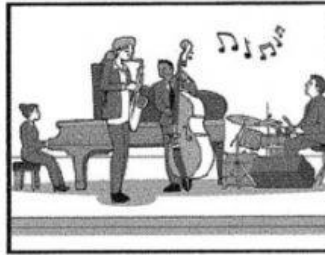


C

6 Which concert has the woman arranged to attend?



A

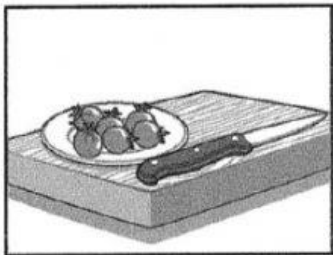


B

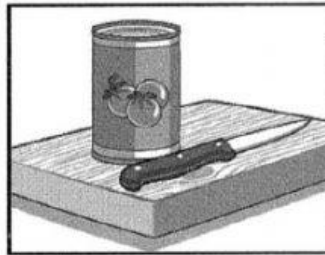


C

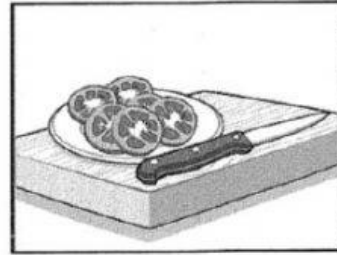
7 Which tomatoes will the man use?



A



B



C

## Part 2

### Questions 8–13

For each question, choose the correct answer.



- 8 You will hear two friends talking about doing exercise.  
Why is the man finding it difficult to do exercise?
- A He can't afford to go to the gym.
  - B He doesn't have a lot of free time.
  - C There aren't any sports facilities nearby.
- 9 You will hear two people talking in a restaurant.  
They agree that
- A the soup was very spicy.
  - B the fish dishes were very tasty.
  - C one of the desserts was very small.
- 10 You will hear a woman telling her friend about her neighbours.  
What problem does she have with her neighbours?
- A They are noisy.
  - B They are unfriendly.
  - C They are untidy.
- 11 You will hear two friends talking about a new museum.  
What does the woman say about it?
- A She was surprised by some things on display.
  - B The opening hours suit her.
  - C She hopes to have another chance to visit.

- 12 You will hear a man talking to a colleague about a hotel he stayed in.  
He complains that
- A the room was too small for him.
  - B the location wasn't what he expected.
  - C he was disturbed by the traffic.
- 13 You will hear two passengers talking on an aeroplane.  
How does the woman feel about flying?
- A She thinks it's very convenient.
  - B She finds it a relaxing way to travel.
  - C She prefers travelling by train to flying.

### Part 3

#### Questions 14–19

For each question, write the correct answer in the gap.  
Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.



You will hear a tour guide talking about arrangements for a day trip to a place called Gulum.

### Day trip to Gulum

Bus leaves at: (14) ..... a.m.

Meet before trip at: hotel (15) .....

First stop: ruin of a (16) .....

Lunch at: The (17) ..... Restaurant

Afternoon activity: (18) ..... or beach volleyball

Bring: (19) .....



## Part 4

### Questions 20–25

For each question, choose the correct answer.



You will hear an interview with a man called James Sweeney who works as a tree-climbing instructor.

- 20 How did James become interested in trees?
- A He worked for someone who looked after trees.
  - B He enjoyed playing in trees when he was a child.
  - C He learnt about trees from his mother.
- 21 What surprised James when he first learnt to climb trees?
- A the time it took to become good at it
  - B the wide range of people in the class
  - C the amount of equipment needed
- 22 What does James enjoy most about his teaching work?
- A helping people who need the skill for their work
  - B giving people an interesting new experience
  - C showing people how to climb in different kinds of weather
- 23 James travels around the USA a lot because
- A interest in tree climbing is increasing there.
  - B there isn't much work in his own area in winter.
  - C he'd like to visit as many parts of the country as possible.
- 24 What does James like about sleeping in trees?
- A He wakes up to the sound of birds.
  - B He thinks it's comfortable.
  - C He can look at the stars.
- 25 When James climbs in the rainforests, he moves more slowly because
- A he wants to study the insects.
  - B he finds the trees difficult to climb.
  - C he has to protect the trees.